

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 15/2025/DS-ST

Ngày 05-5-2025

V/v tranh chấp chia tài sản chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thuận và ông Bùi Văn Tám

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nông nghiệp, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, chị Đoàn Thị Thúy H1, sinh năm 1990, chị Đoàn Thị V, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: số 6/65, khu phố 19, phường BH A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964; địa chỉ: khu 3, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn K, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn Tr, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Vũ Hồng Th, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn Tr, xã Đ, huyện Y, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3.2. Anh Hoàng Kim Q, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Tr, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H, chị Đoàn Thị Thúy H1, chị Đoàn Thị V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị H kết hôn với ông Đoàn Văn K năm 1988, ông bà sinh được 03 người con là chị Đoàn Thị Thúy H1, sinh năm 1990, chị Đoàn Thị V, sinh năm 1992 và chị Đoàn V Th1, sinh năm 2003. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Năm 2008, ông K làm đơn xin ly hôn. Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý giải quyết, sau đó Tòa án nhân

dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại Bản án sơ thẩm số 100/2011/HNGĐ-ST ngày 09.12.2011 Tòa án nhân dân quận B và Bản án phúc thẩm số 760/2012/HNGĐ-PT ngày 02.7.2012, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết cho ông K được ly hôn bà H, giải quyết về giao nuôi con chung, chia tài sản chung và các khoản vay nợ. Đối với việc chia đất nông nghiệp của ông K, bà H và các thành viên trong gia đình chưa yêu cầu giải quyết. Năm 2021, bà H, chị H1, chị V khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y chia 662,9m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Cây Xanh. Các xứ đồng còn lại do chưa dồn điền đổi thửa nên bà H, chị V, chị H1 chưa đề nghị giải quyết. Chị Đoàn V Th1, sinh năm 2003 không được chia đất nông nghiệp. Nay bà H, chị V, chị H1 tiếp tục khởi kiện đề nghị Tòa án chia diện tích đất nông nghiệp còn lại theo quy định pháp luật, cụ thể:

Xứ đồng đất Binh = 648m², xứ đồng Múc = 218m², xứ đồng Trũng = 94,8m². Tổng cộng: 960,8m².

Bị đơn là ông Đoàn Văn K đã được Tòa án làm các thủ tục triệu tập hợp lệ nhiều lần, ông K nhận được văn bản của Tòa án biết được Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về trình tự, thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia 960,8m² đất nông nghiệp cho bà H, ông K, chị V, chị H1 theo quy định của pháp luật. Bà H, ông K, chị V, chị H1 phải nộp án phí chia tài sản chung có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H, chị Đoàn Thị Thúy H1, chị Đoàn Thị V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nông nghiệp sau khi ly hôn đối với ông Đoàn Văn K. Ông K có nơi cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ vào đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là chia tài sản chung sau khi ly hôn, vụ án hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án thể hiện, tài sản các nguyên đơn khởi kiện thuộc sở hữu, sử dụng chung của các thành viên trong hộ gia đình nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này được chuyển sang vụ án dân sự tranh chấp về quyền sử hữu và các quyền khác đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Đoàn Văn K được Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng ông K tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về nội dung vụ án: Năm 1993, hộ gia đình bà H, ông K gồm bà H, ông K, chị V, chị H1 được chia tổng cộng 1.948m² đất nông nghiệp theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính Phủ tại các xứ đồng:

Xứ đồng Bông: 868m², xứ đồng Sâu Thấp: 198m², xứ đồng Binh 1+2: 243m², xứ đồng Binh 3: 122m², xứ đồng Phó Thuê: 201m², xứ đồng Đầm Trong: 141m², xứ đồng Đầm Múc: 162m², xứ đồng Cỏ Gà: 56m², xứ đồng Gò Dầu: 67m², xứ đồng Khoai + Vĩ Ruồi: 88m². Chị Đoàn V Th1, sinh năm 2003 không được chia đất nông nghiệp. Mỗi khẩu trong hộ bà H, ông K (trừ chị Th1) được chia 487m² đất nông nghiệp.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông K, bà H xảy ra mâu thuẫn nên ông K làm đơn xin ly hôn. Tại Bản án sơ thẩm số 100/2011/HNGĐ-ST ngày 09.12.2011 của Tòa án nhân dân quận B và Bản án phúc thẩm số 760/2012/HNGĐ-PT ngày 02.7.2012, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết cho ông K được ly hôn bà H, giải quyết về giao nuôi con chung, chia tài sản chung và các khoản nợ. Đối với việc chia đất nông nghiệp, ông K, bà H, chị H1, chị V chưa yêu cầu nên Tòa án chưa giải quyết. Sau khi ly hôn, ông K sử dụng toàn bộ đất nông nghiệp của mẹ con bà H. Bà H, chị H1, chị V yêu cầu nhưng ông K không trả lại.

Do vậy bà H, chị H1, chị V khởi kiện đề nghị chia đất nông nghiệp. Tại Bản án số 01/2023/DS-ST ngày 16.01.2023, Tòa án nhân dân huyện Y đã chia một phần đất nông nghiệp. Còn các xứ đồng thuộc đất bãi, gồm: Xứ đồng Binh 1+2: 243m², xứ đồng Binh 3: 122m², xứ đồng Phó Thuê: 201m², xứ đồng Đầm Trong: 141m², xứ đồng Đầm Múc: 162m², xứ đồng Cỏ Gà: 56m², xứ đồng Gò Dầu: 67m², xứ đồng Khoai + Vĩ Ruồi: 88m² chưa dồn điền đổi thửa xong nên chưa đề nghị chia.

Sau khi dồn điền đổi thửa, các xứ đồng còn lại hộ ông K được dồn vào các xứ đồng: Xứ đồng đất Binh 648m², xứ đồng Múc: 218m², xứ đồng Trũng: 94,8m². Tổng cộng: 960,8m². Bà H, chị V, chị H1 đề nghị Tòa án chia các thửa đất nông nghiệp nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3]. Theo cung cấp của chính quyền địa phương thì thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, năm 2024 Ủy ban nhân dân xã Đ dồn ghép các thửa ruộng (đất bãi) của các hộ thôn Tr. Hộ ông K được dồn điền đổi thửa như bà H, chị V, chị H1 trình bày. Hiện ông K đang trực tiếp canh tác 648m² cây lúa 02 vụ/năm tại đất tại xứ đồng đất Binh. Diện tích đất tại xứ đồng Trũng và xứ đồng Múc thường xuyên ngập úng, khó canh tác nên các hộ có đất (trong đó có hộ ông K) không canh tác được, thực tế đến nay tại các xứ đồng như Đồng Trũng, Đồng Múc không có mốc giới, chiều cạnh đất của từng hộ. Địa phương đã cho gia đình ông Vũ Hồng Th và gia đình ông Hoàng Kim Q nhận thầu toàn bộ 02 xứ đồng nêu trên, thời hạn đầu thầu 05 năm ký hợp đồng 1 lần, ông Th làm trang trại nuôi chăn nuôi, ông Q thả cá, lợi tức mỗi năm phải trả cho các hộ có đất tương ứng số diện tích mà hộ đó có. Do vậy, trường hợp hộ ông K có yêu cầu chia đất, địa phương đề nghị chia mỗi suất đều được sử dụng cả phần đất không canh tác được đang cho đầu thầu và phần đất thuộc xứ đồng đất Binh.

[4]. Đối với vợ chồng ông Vũ Hồng Th, bà Nguyễn Thị Ch và gia đình ông Hoàng Kim Q, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai, đưa các ông tham

gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Các ông, bà đều thống nhất xác định việc nhận thầu là các ông, bà nhận thầu, ký hợp đồng 05 năm một lần với thôn và đại diện các hộ có đất, chứ không ký riêng lẻ từng hộ. Mặt khác hiện toàn bộ xứ đồng mà gia đình các ông, bà đầu thầu đều không có mốc giới, chiều cạnh cụ thể của bất cứ thửa đất riêng lẻ nào nên các ông bà không biết hộ ông K có diện tích bao nhiêu, chiều cạnh, mốc giới thế nào. Sau 05 năm, các ông bà tiếp tục có nhu cầu nhận thầu đất thì sẽ được thôn, đại diện các hộ có đất ký lại hợp đồng thầu đất, ông, bà sẽ trả lợi tức 1 lần cho thôn để thôn căn cứ vào diện tích đất của từng hộ trả lợi tức cho hộ đó. Nếu không có nhu cầu sẽ chuyển cho cá nhân hoặc hộ gia đình khác nhận thầu. Ông Th, bà Ch, ông Q từ chối tham gia tố tụng nên Tòa án không đưa các ông bà nêu trên tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trọng vụ án.

Đối với ông K đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, ông K biết các nguyên đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nông nghiệp nhưng không hợp tác. Tòa án đã làm các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng ông K vẫn không đến làm việc, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án nên có thể xác định ông K đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nông nghiệp. Khi chia cần xét đến giá trị, tính năng, chất lượng của từng thửa đất để không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do hiện nay chỉ có thửa đất tại xứ đồng Bình cách tác được 02 vụ lúa/năm còn thửa tại các xứ đồng Múc, xứ đồng Trũng không canh tác được nên các đương sự được nhận cả phần đất trũng và phần đất có thể canh tác trồng lúa.

Theo kỹ phân thì ông K, bà H, chị H1, chị V được chia diện tích đất nông nghiệp tương đương nhau: $960,8\text{m}^2 : 4 = 240,2\text{m}^2$. Song do xứ đồng Múc, xứ đồng Trũng không có mốc giới, chiều cạnh cụ thể. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định đối với phần đất bà H, chị H1, chị V được nhận không đề nghị Tòa án chia cho từng người mà bà H, chị H1, chị V sở hữu, sử dụng chung và chấp nhận sử dụng toàn bộ xứ đồng Múc = 218m^2 , để ông K được sử dụng toàn bộ xứ đồng Trũng = $94,8\text{m}^2$. Đối với xứ đồng đất Bình đề nghị chia làm 04 phần bằng nhau để ông K được nhận $\frac{1}{4}$ số còn lại bà H, chị H1, chị V sử dụng. Như vậy, ông K được sử dụng $94,8\text{m}^2 + (648\text{m}^2 : 4) = 256,8\text{m}^2$ nhiều hơn so với hạn mức ông K được sử dụng: $256,8\text{m}^2 - 240,2\text{m}^2 = 16,6\text{m}^2$. Song diện tích đất của ông K nhiều hơn không đáng kể phía nguyên đơn chấp nhận, không yêu cầu ông K phải chia lợi tức phát sinh trong việc ông K sử dụng toàn bộ $960,8\text{m}^2$ của 03 xứ đồng nêu trên từ trước cho đến khi Tòa án xét xử vụ án. Xét thấy việc không yêu cầu của phía nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Ông K, bà H, chị H1, chị V phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 207, Điều 212 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, chị Đoàn Thị Thúy H1, chị Đoàn Thị V đối với ông Đoàn Văn K về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng 960.8m² đất nông nghiệp.

1.1. Chia cho bà Nguyễn Thị H, chị Đoàn Thị Thúy H1, chị Đoàn Thị V được quyền sử dụng 486m² đất (ký hiệu 5-2-3-6-5) tại xứ đồng đất Bình (có sơ đồ kèm theo) và 218m² tại xứ đồng Múc đều thuộc thôn Tr, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng giá trị tài sản chung của bà H, chị H1, chị V là 704m² x 60.000đ = 42.240.000đ (bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

1.2. Chia cho ông Đoàn Văn K được quyền sử dụng 162m² đất (ký hiệu 1-5-6-4-1) tại xứ đồng đất Bình (có sơ đồ kèm theo) và 94,8m² đất tại xứ đồng Trùng đều thuộc thôn Tr, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng giá trị: 256.8m² x 60.000đ = 15.408.000đ (mười lăm triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng).

2. Bà Nguyễn Thị H, chị Đoàn Thị Thúy H1, chị Đoàn Thị V phải chịu 2.112.000đ án phí chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.400.000đ đã nộp theo biên lai số 0003477 ngày 12 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà H, chị H1, chị V còn phải nộp 712.000đ (bảy trăm mười hai nghìn đồng). Ông Đoàn Văn K phải chịu 770.000đ (lăm trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản chung.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu